

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT HÀ ĐÔNG HANOSIMEX

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp đã được kỳ họp thứ 8 Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006.
- Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần.

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông HANOSIMEX (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty được thành lập theo luật doanh nghiệp và theo quyết định số: 2628 /QĐ-BCN ngày 17 tháng 08 năm 2005 của Bộ Công nghiệp V/v phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy Dệt Hà Đông của Công ty Dệt-May Hà Nội thành Công ty cổ phần Dệt Hà Đông HANOSIMEX;

Điều lệ Công ty là văn bản thể hiện các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong đó thành viên Công ty là những người ký kết hoặc tham gia quản lý Công ty thông qua bản điều lệ này, khi thông qua sẽ trở thành bắt buộc đối với mọi người.

Điều lệ Công ty quy định những vấn đề quan trọng, điều chỉnh các mối quan hệ giữa Công ty với các cổ đông, người lao động, đối với sự tồn tại và phát triển trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Điều lệ này được sửa đổi và thông qua hợp lệ bởi cổ đông của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông HANOSIMEX tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 16 tháng 4 năm 2011.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

Trong điều lệ này các thuật ngữ được sử dụng sẽ có nghĩa theo quy định dưới đây:

- a. “Công ty”: Là Công ty cổ phần Dệt Hà Đông HANOSIMEX
- b. “Công ty mẹ”: Là Tổng Công ty cổ phần Dệt-May Hà Nội
- c. “Công ty con”: Là Công ty có vốn góp của Công ty mẹ trên 50% vốn điều lệ
- d. “Công ty liên kết”: Là Công ty có vốn góp của Công ty mẹ dưới 50% vốn điều lệ
- e. “Vốn điều lệ”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ Công ty do quyết định của cổ đông thông qua từng thời kỳ.
- f. “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.
- g. “Cổ đông”: Mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
- h. “Cổ đông sáng lập”: Là những cổ đông sáng lập Công ty cổ phần.
- i. “Vốn có quyền biểu quyết”: Là phần vốn góp, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết những vấn đề được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- j. “Cổ tức”: Là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của công ty để trả cho mỗi cổ phần.
- k. “Ngày thành lập”: Ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh.
- l. “Cán bộ quản lý”: Gồm Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm cán bộ quản lý của Công ty.
- m. “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
- n. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- o. “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điều 1 luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 12/11/1996.
- p. “Những người liên quan”: Là bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong điều 4 (Khoản 17) của Luật Doanh nghiệp.
- q. “Thời hạn”: Thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG II
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, TƯ CÁCH PHÁP NHÂN
VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2.

A/Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời gian hoạt động của Công ty

1. Tên gọi:
Tên gọi công ty cổ phần: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT HÀ ĐÔNG HANOSIMEX
Tên giao dịch quốc tế: HANOSIMEX HADONG TEXTILE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: HANOSIMEX - HDT
2. Công ty là một Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Nhà máy Dệt Hà Đông – Đơn vị thành viên của Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hà Nội theo quyết định số: 2628 /QĐ-BCN ngày 17 tháng 08 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty cổ phần Dệt Hà Đông là công ty liên kết của Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hà Nội.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là :
Địa chỉ: Cầu Am – Vạn Phúc – Hà Đông – Hà Nội
Điện thoại: 04 33824403
4. Chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện của Công ty: Công ty có thể thành lập Chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài (nếu cần thiết) để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Tổng Giám đốc sẽ là đại diện pháp luật của Công ty.
6. Thời gian hoạt động: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 1 Điều 41 của Điều lệ này, thời gian hoạt động của Công ty là không xác định thời hạn kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo luật định.

B/ Tư cách pháp nhân:

1. Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam
2. Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật
3. Hoạt động theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Luật Doanh nghiệp
4. Chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty đối với mọi nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý mà Công ty ký kết
5. Tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, được hạch toán độc lập và tự chủ về tài chính theo quy định của Pháp luật
6. Được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
 - a. Sản xuất kinh doanh, gia công các sản phẩm Dệt May
 - b. Kinh doanh Siêu thị, Nhà hàng, Dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê văn phòng
 - c. Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật
2. Mục tiêu của Công ty: Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong quá trình phát triển Sản xuất - Kinh doanh trong các lĩnh vực trên, trong đó ngành Dệt May là then chốt, nhằm đạt mức lợi nhuận cao nhất, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Đầu tư và sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực Dệt May, dịch vụ và các ngành nghề khác có liên quan tại Việt nam và các nước khác;
2. Đầu tư và quản lý các khoản đầu tư ở các Công ty con, Công ty liên kết (nếu có) và các khoản đầu tư khác theo quy định của pháp luật;
3. Được mua bán, sở hữu, thuê, cho thuê, điều hành, quản lý, kiểm soát, đưa vào sản xuất hoặc bằng cách nào khác, cam kết và tham gia vào việc thành lập các bộ phận trực thuộc cần thiết để thực hiện các hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với chứng nhận đăng ký kinh doanh;
4. Tham gia cổ phần, liên doanh liên kết, hợp tác với bất kỳ cá nhân, đơn vị hay Công ty nào theo quy định pháp luật có liên quan;
5. Hoạt động kinh doanh khác được luật pháp cho phép mà HĐQT xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và quản trị điều hành Công ty:

1. Công ty thực hiện tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Kinh doanh trung thực, có kỹ năng, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm.
3. Đảm bảo có quy chế tổ chức nội bộ chặt chẽ, tránh xung đột lợi ích giữa Công ty và nhân viên Công ty, giữa Hội đồng quản trị và các cổ đông, giữa các cổ đông với nhau. Tổ chức và thực hiện công tác kiểm soát nội bộ đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
5. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị công ty giữa 2 kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động SXKD của Công ty
6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các quy chế nội bộ cụ thể để đảm bảo cơ chế thực hiện có hiệu quả nguyên tắc hoạt động của Công ty quy định tại Điều này.

Điều 6. Quyền của Công ty:

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty.
2. Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức hoạt động sản xuất - kinh doanh, địa bàn hoạt động, liên doanh, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và loại hình kinh doanh;
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn;
5. Tuyển dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
6. Tự chủ kinh doanh, áp dụng các phương pháp quản lý khoa học để nâng cao hiệu quả quản lý và tăng tính cạnh tranh.
7. Từ chối các yêu cầu cung cấp nguồn lực nào không được pháp luật quy định, trừ các khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo, công ích.
8. Các quyền khác do Pháp luật và Điều lệ này quy định.

Điều 7. Nghĩa vụ của Công ty:

1. Hoạt động sản xuất - kinh doanh theo đúng ngành nghề đăng ký.
2. Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hóa đơn chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác.
3. Đăng ký, kê khai và nộp thuế cùng các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện kê khai báo cáo:
 - a- Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất - kinh doanh, tài chính của Công ty với cơ quan Nhà nước theo quy định của Pháp luật, với Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hà Nội.
 - b- Kê khai báo cáo tài chính hàng năm với cơ quan thuế, với cơ quan đăng ký kinh doanh, với Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hà Nội, với cổ đông và với các cơ quan liên quan theo quy định của Pháp luật.
5. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định về pháp luật lao động; tôn trọng quyền của Tổ chức công đoàn.
6. Tuân thủ các quy định về quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội.
7. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ này quy định.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập:

1. Các cổ phần được phát hành của Công ty đến ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông được bán với giá ưu đãi cho người lao động, cổ phần do Nhà nước nắm giữ; cổ phần phổ thông bán đấu giá. Các quyền và nghĩa vụ đối với từng loại cổ phần được quy định tại Điều 14, Điều 15 của điều lệ.
2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND (Mười ba tỷ đồng chẵn). Tổng Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.300.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.
3. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty có quyền xác lập và chào bán cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác phù hợp quy định của pháp luật.
4. Sau khi đăng ký kinh doanh và chào bán cổ phần lần đầu, mọi cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến chào bán sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phổ thông mà họ hiện đang nắm giữ tại Công ty, việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn không ít hơn 21 ngày để chấp nhận việc đặt mua. Những cổ phần không được đặt mua theo thông báo chào bán sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối (hoặc tặng các quyền chọn mua) các cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp với điều kiện là đã chào bán cho các cổ đông.
5. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình bằng bất kỳ cách nào mà Luật doanh nghiệp cho phép và nếu phù hợp. Bất kỳ cổ phần nào được Công ty mua lại đều được giữ lại làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng Quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 9. Chứng chỉ cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông:

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định. Cổ phiếu là Giấy chứng nhận xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty là Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần;
2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền thanh toán, tên người nắm giữ và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ Cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.
3. Mọi chứng chỉ cổ phiếu được phát hành đều phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của Công ty và đóng dấu công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.
4. Bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông sẽ được cấp 01 giấy chứng nhận sở hữu cổ phần miễn phí sau khi mua hoặc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).

5. Trường hợp chỉ có một số cổ phần trong giấy chứng nhận sở hữu cổ phần được chuyển nhượng thì giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cũ sẽ bị huỷ bỏ và một giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
6. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện là phải gửi cho Công ty chứng chỉ cũ hoặc (nếu chứng chỉ cũ bị mất, mất cắp hoặc bị huỷ hoại) thì phải tuân thủ các điều kiện để chứng minh và bồi thường hoặc thanh toán các chi phí liên quan cho Công ty.
7. Tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp các quy định khác, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm có thể ban hành các quy định về chào bán và chuyển nhượng cổ phần, các quy định đó sẽ thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chào bán và chuyển nhượng cổ phần.
8. Sổ đăng ký cổ đông: Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông phải bằng văn bản và tập dữ liệu điện tử, có đủ các nội dung chủ yếu: Tên, trụ sở của Công ty; tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; tổng số cổ phần đã chào bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp; tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần; mã số riêng cho từng cổ đông.
9. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và được thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cùng mọi cổ đông được biết.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần:

1. Cổ phần của Công ty được chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Cổ đông muốn bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính Công ty. Tất cả cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán;
2. Cổ phiếu bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và quy định của bản Điều lệ này. Việc chuyển nhượng cố gắng duy trì không làm thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của các cổ đông là CBCNV trong Công ty và được ưu tiên cho HĐQT, Ban kiểm soát và cổ đông là CBCNV có quá trình đóng góp gắn bó lâu dài với Công ty hoặc chuyển nhượng cho Công ty, nếu nội bộ Công ty không mua thì được bán ra ngoài.
3. Cổ phần thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian đương nhiệm không được phép chuyển nhượng.
4. Tất cả các chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản phù hợp theo quy định của Hội đồng quản trị. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu số cổ phần liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển

nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng hưởng các quyền liên quan đến số cổ phiếu được chuyển nhượng diễn ra trong thời gian đó.

5. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.
6. Thừa kế cổ phần:
 - 6.1 Trong trường hợp một cổ đông qua đời, Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần hợp pháp theo luật định. Trong trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức ủy quyền có xác nhận công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật
 - 6.2 Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế được đăng ký làm chủ sở hữu của các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ mà họ được thừa kế.
 - 6.3 Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát cũng được thừa kế nhưng người nhận thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phần, không thể đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.
 - 6.4 Người có cổ phần mua theo giá ưu đãi qua đời mà không có người thừa kế thì cổ phần đó được thu hồi cho Công ty

Điều 11. Mua lại cổ phần:

1. Các trường hợp cổ đông được quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần và Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán:
 - a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty.
 - b. Cổ đông biểu quyết phản đối việc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này.
2. Thủ tục yêu cầu Công ty mua lại cổ phần: Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của cổ đông được làm bằng văn bản; trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần, giá dự kiến bán, lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định liên quan đến khoản 1 điều này.
3. Nghĩa vụ của Công ty khi nhận được yêu cầu mua lại: trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được phiếu yêu cầu mua lại theo quy định tại điều này, Công ty phải mua lại cổ phần của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được xác định theo thỏa thuận giữa cổ đông và Hội đồng quản trị.

Điều 12. Thu hồi cổ phần:

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này đối với Công ty.

2. Thông báo nêu trên phải đưa ra một thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải nêu rõ ràng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ phải thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của bất kỳ một thông báo nào nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí khác liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo Quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp.
6. Khi có một cổ phần đã được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý:

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông.
- b. Hội đồng quản trị.
- c. Tổng Giám đốc.
- d. Ban kiểm soát

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

Điều 14 .

14.1 Quy định chung về cổ đông:

1. Cổ đông của Công ty cổ phần Dệt Hà Đông HANOSIMEX là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty
3. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Dệt Hà Đông HANOSIMEX do Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Dệt-May Hà Nội quyết định trên cơ sở lấy ý kiến phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt may Việt Nam.
4. Người đại diện nêu trên có thể uỷ quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Người được uỷ quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được uỷ quyền cho người khác
5. Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty cổ phần
6. Việc uỷ quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần
7. Các cổ đông có thể tự nhóm lại đề cử một người đại diện theo quy định của pháp luật, trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản
8. Trong trường hợp một cổ đông mới, pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để HĐQT xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành

Trường hợp cổ đông là pháp nhân giải thể thì số cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác

14.2 Quyền hạn của cổ đông Công ty

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau :
 - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền biểu quyết chung; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b. Nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp theo mức quyết định của Đại hội đồng cổ đông dựa trên cơ sở kết quả hoạt động Sản xuất - Kinh doanh mỗi năm của Công ty.
 - c. Tự do mua bán, chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ, được thừa kế theo quy định của Điều lệ này và luật pháp.

- d. Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Các cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình, được ghi trong danh sách cổ đông, có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông; có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Trong trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động, bị giải thể được nhận tài sản của Công ty tương ứng với số cổ phần mà mình sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ theo pháp luật quy định;
 - g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Khoản 1 Điều 64 của Luật Doanh nghiệp;
 - h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật
2. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong một thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có thêm các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các khoản 3 điều 21 và mục a khoản 4 điều 29 tương ứng;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Nghĩa vụ của các cổ đông:

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế, các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc số vốn góp vào Công ty;
- 3. Chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình;
- 4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông:

- 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và thời gian không quá 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính
- 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm nào đó ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này

quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau :
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc 6 tháng cho thấy một nửa số Vốn điều lệ bị mất.
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại mục 2 khoản 14.2 điều 14 hoặc Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập Đại hội trong trường hợp có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 86 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt ngoài phạm vi quyền hạn được giao; các trường hợp khác quy định tại Điều lệ của Công ty.

Yêu cầu triệu tập Đại hội được làm bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp có chữ ký của các cổ đông liên quan; và trường hợp Ban kiểm soát kiến nghị có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

4. Triệu tập cuộc họp:
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại mục d khoản 3 điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp các cổ đông.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại mục d khoản 3 điều này có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông.
 - d. Tất cả các chi phí hợp lý trong việc triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả.

Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau :
 - a. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau :
 - a. Phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm, bảng cân đối kế toán, báo cáo lỗ lãi.
 - b. Mức cổ tức được quyền thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

- d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - e. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đồng thời làm Tổng Giám đốc
 - f. Tổng số tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - h. Tổ chức lại và giải thể Công ty ;
 - i. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - j. Giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị từ 50% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán tại thời điểm báo cáo theo quy định gần nhất.
 - k. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại
 - l. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của Công ty và quy định của pháp luật.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
- a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 điều 17 nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.
4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 18. Danh sách cổ đông có quyền dự họp và các đại diện được uỷ quyền:

- 1. Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông sở hữu dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty hoặc đại diện sở hữu được cổ đông sở hữu uỷ quyền;.
- 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Khi có quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và phải lập xong chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông
 - b. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông có quyền dự họp đến ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại mục 2 khoản 14.2 điều 14 có quyền yêu cầu được xem danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông
- 3. Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận và:
 - a. Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người uỷ quyền;
 - b. Trường hợp là pháp nhân thì phải được đóng dấu hoặc được ký thay mặt bởi người được uỷ quyền hợp lệ của pháp nhân đó.
- 4. Lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã :

- a. Qua đời hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình
- b. Hủy bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền

Tuy nhiên Điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 tiếng trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại;

Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo:

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại mục b hoặc mục c khoản 4 điều 16.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau :
 - a. Khẳng định thời gian và địa điểm đại hội;
 - b. Gửi giấy mời họp đến tất cả các cổ đông đủ tư cách tham gia và biểu quyết tại Đại hội chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, và các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định.
3. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu một cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số Fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số Fax hoặc địa chỉ điện tử đó. Trong trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể gửi tận tay cho họ tại nơi họ làm việc. Ngày xác nhận gửi thông báo tính từ sau ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được vào hòm thư.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại mục 2 khoản 14.2 Điều 14 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ bao gồm tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:
 - a. Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn; không đủ, không đúng nội dung
 - b. Vào thời điểm đề xuất cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục sáu tháng trở lên;
 - c. Kiến nghị không chứa đựng những thông tin cần thiết;
 - d. Kiến nghị đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.
7. Nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những nghị quyết được Đại hội nhất trí

thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung hợp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội:

1. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, hoặc nếu Chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì một thành viên Hội đồng được uỷ quyền hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra chủ tọa của Đại hội, chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch hoặc chủ tọa được bầu của đại hội đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.
2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi ít nhất từ 65% trở lên trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền dự họp có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty phải được thông qua bởi ít nhất từ 75% trở lên trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 15 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản được chủ tọa đại hội và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.
5. Để tiến hành Đại hội đồng cổ đông và thông qua các nghị quyết cần có một số lượng thành viên dự họp tối thiểu. Số thành viên dự họp tối thiểu đại diện cho ít nhất 80% cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. Khi Đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp. Một Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần 2, trong đại hội lần này cần có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

6. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi đảm bảo việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
7. Khi đăng ký cổ đông tham dự Đại hội, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một hoặc một số thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết sau đó, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 3 người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
8. Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
9. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trật tự, thủ tục hoặc sự kiện diễn ra một cách ngẫu nhiên ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
10. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn một Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một thời điểm do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
 - b. Hành vi của người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
 - c. Một sự trì hoãn là cần thiết để công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội, Đại hội trì hoãn sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
11. Chủ tọa đại hội hoặc thư ký có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc là để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
12. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện uỷ quyền muốn tham gia đại hội cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi Đại hội.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Thành viên và nhiệm kỳ:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông. Số thành viên của Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, có nhiệm kỳ là 3 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Thành viên trúng cử Hội đồng quản trị gồm 5 ứng viên có số phiếu tín nhiệm cao nhất trong số các ứng cử viên tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội bằng thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín nhưng phải đạt tín nhiệm của các cổ đông đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết hiện diện tán thành. Nếu bầu cử không đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại; nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa đủ thì việc còn tiếp tục bầu nữa hay không do Đại hội và người chủ trì quyết định.
2. Mỗi cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
3. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào HĐQT; Từ 30 % đến dưới 50% thì được đề cử 2 thành viên; nếu từ 50% đến 70% thì họ được đề cử 3 thành viên và nếu từ 70% trở lên thì họ được đề cử 4 thành viên.
4. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Thành viên đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
 - c. Thành viên đó bị ảnh hưởng tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.
 - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ người này bị bỏ trống.
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn hoặc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ và thành viên được bầu bổ sung này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó chấp thuận.

Điều 22. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có năng lực và đủ các điều kiện sau:

1. Không phải là đối tượng quy định tại điều 9 của Luật Doanh nghiệp
2. Không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Có trình độ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Công ty; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản trị doanh nghiệp; có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành quản lý của Công ty.

Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dệt Hà Đông HANOSIMEX có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty phù hợp với luật pháp trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc quản trị Công ty theo Điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ đúng các quy định của luật pháp. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các Quy chế của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ như sau:
 - a. Quyết định chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định phương án đầu tư.
 - e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường; tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại mục k khoản 2 điều 17 quy định tại Điều lệ này.
 - f. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, quyết định mức lương đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và phê duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc (nếu có). Trường hợp HĐQT kiêm Tổng Giám đốc thì việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, lương của Tổng Giám đốc Công ty do ĐHĐCĐ quyết định.
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; Quy chế quản lý nội bộ Công ty; Quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của Doanh nghiệp khác.
 - h. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
 - i. Đề xuất mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

- j. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - k. Quyết định giá bán cổ phiếu và trái phiếu của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc tài sản khác.
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hời ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
 - m. Quyết định mua lại không quá 10% cổ phần đã bán của từng loại;
 - n. Kiến nghị việc tổ chức hoặc giải thể Công ty;
 - o. Chỉ định một thư ký Hội đồng quản trị; chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:
 - Chuẩn bị tài liệu để tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.
 - Ghi biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị; soạn Nghị quyết HĐQT,
 - Cung cấp các thông tin, bản sao biên bản họp HĐQT cho các thành viên HĐQT;
 - Tiếp nhận và phản hồi các vấn đề do cổ đông đặt ra; tổng hợp, báo cáo theo yêu cầu của HĐQT.
 - Thư ký phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin theo quy định của pháp luật và của Công ty;
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐQT phân công;
 - p. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
4. Hội đồng quản trị phải nộp một báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng với Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong năm tài chính. Nếu bản báo cáo không được nộp, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.
 5. Các thành viên Hội đồng quản trị và Thư ký HĐQT (không kể các đại diện được quyền thay thế) sẽ nhận được khoản thù lao theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị và Thư ký HĐQT, khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị và Thư ký HĐQT theo thỏa thuận trong Hội đồng căn cứ vào chức vụ của thành viên đó trong Hội Đồng; Tổng mức thù lao của HĐQT, Thư ký HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
 6. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
 7. Các thành viên của Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết công khai với đa số phiếu trên 51%; mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp; cụ thể:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác.
 - d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;
3. Khi vắng mặt Chủ tịch HĐQT uỷ quyền cho một uỷ viên HĐQT thay mặt đảm trách việc quản trị Công ty thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước sự uỷ quyền đó.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đệ trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị lên các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
5. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn ngắn nhất.

Điều 25. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý một cuộc họp.
2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn.
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - c. Thành viên Ban kiểm soát.
3. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải tiến hành trong vòng 2 tuần sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến khoản 2 điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp sẽ phải được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: các cuộc họp sẽ phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 5 ngày trước khi tổ chức. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên tham dự hoặc qua người đại diện thay thế.
8. Biểu quyết :
 - a. Mỗi thành viên Hội đồng trực tiếp có mặt hoặc người được thành viên đó chỉ định thay thế dự họp tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên HĐQT nào có lợi ích trong những hợp đồng hoặc trong các giao dịch hay trong bất kỳ 1 đề xuất nào mà lợi ích này có thể xung đột tới lợi ích chung của Công ty sẽ không được biểu quyết tại cuộc họp HĐQT
 - c. Theo quy định tại mục d khoản 8 điều này, thành viên có lợi ích liên quan đến vấn đề cần biểu quyết mà không tự nguyện bỏ quyền biểu quyết của mình thì vấn đề quyền biểu quyết của thành viên đó sẽ do Chủ tọa cuộc họp quyết định.
 - d. Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 điều 87 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
9. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của trên 50% số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
10. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho Thư ký không muộn hơn 1 tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.
11. Biên bản cuộc họp: Cuộc họp phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản, Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp.

CHƯƠNG VIII

BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý:

1. Bộ máy tổ chức của Công ty bao gồm: Khối văn phòng Công ty, các bộ phận sản xuất. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong Công ty thực hiện theo quy chế phân cấp quản lý của Công ty.
2. Bộ máy điều hành Công ty gồm có:
 - a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc; phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc giới thiệu các chức danh điều hành các phòng ban trình Hội đồng quản trị phê duyệt để Tổng Giám đốc ký quyết định bổ nhiệm. Các chức danh quản lý có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Tổng Giám đốc là người điều hành Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
 - c. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các phó Tổng Giám đốc thực hiện điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc và Pháp luật về các phần việc được phân công hoặc uỷ quyền. Phó Tổng Giám đốc có thể kiêm nhiệm phụ trách các bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc.
 - d. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và của những người quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng hoặc người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
2. Tiêu chuẩn:
 - Tốt nghiệp Đại học;
 - Có năng lực quản lý điều hành doanh nghiệp;
 - Có kinh nghiệm kiến thức kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty
3. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.

4. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo;
5. Ủy quyền:
 - a. Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho các phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước việc ủy quyền của mình.
 - b. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy quyền lại cho người khác.

Điều 28. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc:

1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tuy nhiên Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị nếu quyết định này trái với pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc từ chối này phải được làm văn bản gửi cho Hội đồng quản trị.
2. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
4. Đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị phê duyệt về mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động của các cán bộ quản lý và Tổng Giám đốc ra quyết định thực hiện;
5. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
6. Quyết định kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực, mức thu nhập, các chế độ và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động sau khi thông qua Hội đồng quản trị.
7. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hành động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho Công ty để trình Hội đồng quản trị.
8. Xây dựng và trình duyệt Hội đồng quản trị quy chế quản lý nội bộ Công ty: Quy chế tài chính, các chính sách đầu tư của Công ty nhằm hạn chế rủi ro và phù hợp điều kiện thực tế của Công ty.
9. Trình Hội đồng quản trị kế hoạch đầu tư vào các dự án hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý.

10. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt để ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá nguyên liệu vật tư và giá dịch vụ trong nội bộ Công ty.
11. Thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước; lập phương án phân phối, sử dụng số lợi nhuận còn lại của Công ty để trình Hội đồng quản trị.
12. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt cơ cấu tổ chức và phương án thay đổi tổ chức, thành lập hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc trong Công ty.
13. Thực hiện phân công và uỷ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.
14. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo các nội dung và chương trình mà Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát yêu cầu.
15. Vào ngày 30 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.
16. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
17. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty;
18. Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Tổng Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.
19. Được đưa ra những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, địch hoạ, hoả hoạn, sự cố,... và phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.
20. Thực hiện tất cả các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Ban kiểm soát, quyền hạn và trách nhiệm:

1. Ban kiểm soát:
 - a. Ban kiểm soát gồm ba thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.
 - b. Tiêu chuẩn: Thành viên Ban kiểm soát phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về lĩnh vực hoạt động, các yêu cầu nhiệm vụ của Công ty; có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật tốt; không phải là những người liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám

- đốc, Kế toán trưởng của Công ty. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán và không phải là Kế toán trưởng Công ty.
- c. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong Công ty;
 - d. Ban kiểm soát là người thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất-kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc.
 - e. Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.
 - f. Ban kiểm soát phải bầu thông qua biểu quyết một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát.
2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát: Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Trong nhiệm kỳ nếu có khiếm khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung.
- Khi bầu các thành viên của Ban kiểm soát, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất 2/3 thành viên cũ của Ban kiểm soát phải được bầu lại;
3. Quyền hạn và trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát: Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công cho kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc kiểm soát. Mỗi thành viên dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền hạn như sau:
- a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.
 - b. Thẩm định các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan để quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong trường hợp:
 - Khi các thành viên Ban kiểm soát xét thấy cần thiết.
 - Khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Khi theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại mục 2 khoản 14.2 điều 14 của Điều lệ này
 - Khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị.
 - Khi có các yêu cầu cần thiết khác.
 - c. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được gây cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không được gây gián đoạn trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
 - d. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên đại hội đồng cổ đông.
 - e. Xem xét và báo cáo Hội đồng quản trị về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm tra giữa kỳ hoặc cuối kỳ;
 - f. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của

- Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- g. Được quyền yêu cầu các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc của Công ty cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - h. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
4. Quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát
- a. Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử một ứng viên vào Ban kiểm soát.
 - b. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 06 tháng liên tục trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử ứng viên vào Ban kiểm soát. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10% đến dưới 40% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên; Từ 40 % đến dưới 70% thì được đề cử 2 thành viên và nếu từ 70% trở lên thì họ được đề cử 3 thành viên.
5. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý phải cung cấp đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
6. Trưởng Ban kiểm soát:
- 6.1 Ban kiểm soát bầu 1 thành viên làm trưởng ban;
 - 6.2 Quyền và nhiệm vụ của trưởng Ban kiểm soát như sau:
 - a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động và điều hành hoạt động của Ban kiểm soát.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;
7. Ban kiểm soát được nhận thù lao cho công việc mà họ thực hiện và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; tổng mức thù lao của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được phép họp ít hơn hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp không ít hơn 2 thành viên;
9. Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 12 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

CHƯƠNG X

QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 30: Trách nhiệm cẩn trọng của người quản lý:

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có nghĩa vụ thực hiện các nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty

Điều 31. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi:

1. Người quản lý Công ty không được lạm dụng địa vị và quyền hạn sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận.
2. Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với cá nhân thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và với người liên quan của họ chỉ được ký kết theo quy định sau:
 - a) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng số giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;
 - b) Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng số giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng quản trị có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA CÔNG TY

Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ:

1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục 6 tháng trở lên đều có quyền trực tiếp gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty: danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền kiểm tra sổ cổ phiếu của Công ty, danh sách cổ đông và những danh sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Công ty:
 - a) Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, quy chế quản lý nội bộ Công ty; sổ đăng ký cổ đông;
 - b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;
 - c) Các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - e) Sổ sách kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - f) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ

Điều 33. Công nhân viên và đoàn thể:

1. Tổng Giám đốc sẽ phải lập một kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, quản lý lao động, thu nhập, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động.
2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: Tổ chức Đảng hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam;
3. Tổ chức Công đoàn và các Tổ chức chính trị - xã hội khác: Hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quy định của Tổ chức đó nhưng không trái pháp luật.
4. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho các Tổ chức trên hoạt động theo đúng Hiến pháp và pháp luật.

CHƯƠNG XIII

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 34. Tài khoản ngân hàng:

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài khi cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.
2. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 35. Năm tài chính:

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 36. Hệ thống kế toán:

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán theo quy định của Pháp luật và chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
2. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 37. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý:

1. Công ty phải lập các báo cáo tài chính sáu tháng và hàng quý
2. Tổng Giám đốc Công ty sẽ phải hoàn thành báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật trong thời hạn 30 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính và gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Cuối mỗi năm tài chính Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông bao gồm:
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Các báo cáo khác;
- 4- Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hà Nội; cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền sau thời gian không quá 4 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính;

Điều 38. Trích lập các quỹ:

1. Theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hàng năm Công ty sẽ trích lập từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự trữ để bổ sung Vốn điều lệ: mức trích

không vượt quá 10% lợi nhuận sau thuế của Công ty và trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn Điều lệ của Công ty

2. Trích lập các quỹ khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định và theo quy định của Pháp luật
3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

Điều 39. Phân chia cổ tức:

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất.
2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến mọi cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
4. Hội đồng quản trị có thể quyết định cho tạm ứng thanh toán cổ tức không quá 80% mức cổ tức mà HĐQT dự kiến theo kết quả SXKD ngay sau khi kết thúc năm tài chính nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
5. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phần đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
6. Đại hội đồng cổ đông, theo đề xuất của Hội đồng quản trị sẽ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng các phân chia những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu do Công ty phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
7. Theo chấp thuận của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo: những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phiếu phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.

CHƯƠNG XIV GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 40. Giải quyết tranh chấp nội bộ:

Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do luật pháp quy định, giữa:

- a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
- b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý.

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải; trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Tòa án, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên tuân theo.

Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải, các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XV

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 41. Chấm dứt hoạt động:

1. Công ty bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau :
 - a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - b. Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc qua uỷ quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty;
 - c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 6 tháng liên tục;
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty trước thời hạn đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện theo; quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 42. Ban thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi có quyết định giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số thành viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả chi phí liên quan đến Ban thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau :
 - a. Chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các chi phí nhập khẩu có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông theo số cổ phần nắm giữ (các cổ phiếu ưu đãi (nếu có) sẽ được ưu tiên thanh toán trước).

CHƯƠNG XVI HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ & CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 43. Con dấu:

1. Con dấu của Công ty, các Chi nhánh và đơn vị trực thuộc (nếu có) được khắc theo mẫu quy định thống nhất, được đăng ký sử dụng và quản lý con dấu theo đúng yêu cầu của pháp luật;
2. Tất cả các văn bản của Công ty khi phát hành chính thức phải đóng dấu Công ty trên các chữ ký của một trong các chức danh sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, phó Tổng Giám đốc hoặc các cán bộ quản lý Công ty được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty không được sử dụng con dấu.
3. Con dấu của Chi nhánh, đơn vị trực thuộc sẽ được sử dụng trên các chữ ký của Trưởng Chi nhánh hoặc đơn vị trực thuộc.

4. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định pháp luật.

Điều 44. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ:

1. Mọi sự bổ sung hay sửa đổi bản Điều lệ phải được lập dưới hình thức một Dự thảo đề Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 75% quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc qua đại diện.
2. Những Điều không được quy định trong Điều lệ này sẽ thực hiện theo các quy định và pháp luật hiện hành và các quy chế của Công ty.

Điều 45. Ngày hiệu lực:

1. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Điều lệ được đăng ký với Phòng đăng ký kinh doanh liên quan sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Điều lệ này chi phối toàn bộ mọi hoạt động của Công ty và mọi thành viên của Công ty có nghĩa vụ thi hành.
3. Nếu trong Điều lệ này có những điều khoản vô hiệu thì những điều khoản khác vẫn có hiệu lực.

Điều 46. Điều khoản cuối:

1. Điều lệ này gồm 16 Chương, 46 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông thông qua và biểu quyết chấp nhận toàn bộ vào ngày 16/4/2011, được lập thành 12 bản có giá trị như nhau.
2. Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và đóng dấu Công ty mới có giá trị.

Ngày 16 tháng 4 năm 2011

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(đã ký)

Đặng Thái Hưng

